VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI
**UNIVERSITY OF LANGUAGES AND INTERNATIONAL STUDIES
FACULTY OF POST-GRADUATE STUDIES**

**HOÀNG THỊ NGỌC DIỆP**

**GENRE ANALYSIS OF PHD THESIS LITERATURE REVIEWS**

**WRITTEN BY VIETNAMESE LEARNERS IN ENGLISH**

***Phân tích thể loại các chương tổng quan nghiên cứu trong các***

***luận án tiến sĩ của người Việt Nam viết bằng tiếng Anh***

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**Major: English Linguistics**

**Code: 9220201.01**

**HANOI, 2023**

**Công trình được hoàn thành tại:**

**Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội**

**Supervisors: Prof. Dr. HOÀNG VĂN VÂN**

Phản biện 1:

Phản biên 2:

Phản biên 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ họp tại:

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học quốc gia Hà Nội .

vào hồi ... giờ ..... ngày .....tháng ..... năm 2023

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU

**1.1 Cơ sở lý luận của nghiên cứu**

 Chương tổng quan nghiên cứu là một chương quan trọng trong một luận án tiến sĩ, và nó thường được khuyên là nên viết đầu tiên. Tuy nhiên vấn đề tiếp cận được các luận văn, độ dài của luận án, và các quy định khác nhau theo ngành nghiên cứu nên không có nhiều tài liệu hướng dẫn viết chương này. Ngoài ra do sự quốc tế hóa giáo dục gần đây ở Việt Nam và một số những khó khăn thường gặp trong chương này, nhu cầu viết luận văn bằng tiếng Anh ở Việt Nam ngày càng tăng. Do vậy việc gợi ý những hướng dẫn cách thức viết luận án bằng tiếng Anh cho những người không phải là bản xứ là cần thiết để họ có thể tiến hành nghiên cứu của họ được dễ dàng hơn và giúp cho luận án của họ tuân theo các quy chuẩn về nội dung và đặc điểm ngôn ngữ.

**1.2 Mục đích và mục tiêu của nghiên cứu**

 Mục đích của nghiên cứu này là khám phá đặc điểm thể loại của chương tổng quan nghiên cứu của các nghiên cứu sinh người Việt viết bằng Anh để giúp cải thiện chất lượng bài viết của các nghiên cứu sinh. Mục đích này được cụ thể hóa trong 2 mục tiêu sau:

1. Khám phá cấu trúc thể loại của chương tổng quan nghiên cứu của các nghiên cứu sinh người Việt viết bằng Anh

2. Khám phá các đặc điểm ngôn ngữ điển hình được sử dụng trong các chương tổng quan nghiên cứu này.

Các câu hỏi nghiên cứu sau đây được xây dựng để đạt được mục đích và mục tiêu đề cập ở trên:

1. Cấu trúc thể loại của chương tổng quan nghiên cứu của các nghiên cứu sinh người Việt viết bằng Anh là gì?

2. Những đặc điểm ngôn ngữ điển hình nào được sử dụng để hiện thực hóa cấu trúc loại của chương tổng quan nghiên cứu của các nghiên cứu sinh người Việt viết bằng Anh, và chúng được sử dụng như thế nào?

**1.3 Phạm vi nghiên cứu**

 Nghiên cứu này điều tra cấu trúc thể loại và các đặc điểm ngôn ngữ điển hình của của chương tổng quan nghiên cứu của các nghiên cứu sinh người Việt. Dữ liệu bao gồm 30 chương tổng quan tài liệu được trích ra từ 30 luận án tiến sĩ đã được nghiệm thu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn tại một trường đại học ở Việt Nam. Mục đích là để khám phá cách tổ chức 30 chương này về mặt thể loại và khám phá những đặc điểm ngôn ngữ nổi bật nào được sử dụng để đáp ứng được nhiệm vụ các chương tổng quan nghiên cứu trong luận án.

**1.4 Tầm quan trọng của nghiên cứu**

 Hy vọng rằng kết quả của nghiên cứu này sẽ giúp các nghiên cứu sinh tiến sĩ, nhà nghiên cứu, người học tiếng Anh của Việt Nam đáp ứng được các yêu cầu của diễn ngôn học thuật để họ có thể (i) hiểu sâu hơn cấu trúc thể loại của một chương tổng quan nghiên cứu trong luận án tiến sĩ, và (ii) viết chương tổng quan nghiên cứu một cách chính xác và phù hợp về mặt cấu trúc thể loại, chức năng giao tiếp và đặc điểm ngôn ngữ. Cuối cùng, nghiên cứu này nhằm mục đích giúp những nhà nghiên cứu này cảm thấy dễ dàng hơn khi tham gia vào các hoạt động trong môi trường có sử dụng tiếng Anh.

**1.5 Cấu trúc của luận án**

 Luận văn này bao gồm sáu chương. Chương mở đầu trình bày ngắn gọn cơ sở lý luận của nghiên cứu, mục đích và đối tượng nghiên cứu, phạm vi, ý nghĩa của nghiên cứu và cấu trúc của luận án, tiếp theo là chương hai tổng quan tài liệu liên quan đến nghiên cứu này. Chương ba trình bày chi tiết về phương pháp nghiên cứu của đề tài. Chương 4 và chương 5 lần lượt trình bày các kết quả nghiên cứu và thảo luận về phân tích cấu trúc của các hành động tu từ và phân tích đặc điểm ngôn ngữ. Chương 6 là phần kết luận của nghiên cứu.

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

2.1 Thể loại là gì?What is genre?

2.1.1 Khái niệm về thể loại

 Phần này làm rõ thuật ngữ 'thể loại' được sử dụng trong nghiên cứu này. Định nghĩa quan trọng nhất về thể loại là của Swales (1990):

Thể loại bao gồm một lớp các sự kiện giao tiếp, mà các thành viên của nó có cùng chung mục đích giao tiếp. Những mục đích này được các thành viên chuyên môn của cộng đồng diễn ngôn công nhận và do đó tạo thành cơ sở lý luận cho thể loại này. Cơ sở lý luận này định hình cấu trúc của diễn ngôn, đồng thời ảnh hưởng và hạn chế việc lựa chọn nội dung và phong cách… Ngoài ra các mẫu của một thể loại thể hiện sự tương đồng về cấu trúc, phong cách, nội dung và khán giả được nhắm tới.

 (Swales, 1990, p. 58)

2.1.2 Cộng đồng diễn ngôn

 Theo Swales (1990), các cộng đồng diễn ngôn được mô tả như các mạng lưới hùng biện xã hội hình thành để hướng tới các tập hợp mục tiêu chung. Các thành viên thuộc cộng đồng diễn ngôn đã quen thuộc với các thể loại được sử dụng để truyền đạt các mục tiêu đó. Kết quả là, các cộng đồng diễn ngôn sở hữu các thể loại riêng của chúng.

2.1.3 Cách tiếp cận thể loại

 Có 3 cách tiếp cận thể loại (Hyon, 1996; Bhatia, 1993; Hyland, 2003; Bawarshi & Reiff, 2010; Paltridge & Starfield, 2007): Ngôn ngữ học chức năng hệ thống, nghiên cứu thể loại hùng biện, and Tiếng Anh cho các mục đích chuyên biệt.

2.2 Phân tích thể loại

 Hyland (2004) lập luận rằng phân tích thể loại được thúc đẩy bởi mong muốn hiểu được đặc điểm giao tiếp của diễn ngôn bằng cách xem xét cách các cá nhân sử dụng ngôn ngữ để tham gia vào các tình huống giao tiếp cụ thể.

 Phân tích thể loại cũng liên quan đến phân tích diễn ngôn vì nó đưa ra lời giải thích cho quy ước xây dựng và diễn giải thể loại, cố gắng đưa ra câu trả lời cho câu hỏi: Tại sao các thành viên của các cộng đồng diễn ngôn cụ thể lại sử dụng ngôn ngữ theo cách của họ? (Bhatia, 1997).

 Tóm lại, phân tích thể loại tìm cách:

* Xác định cách văn bản được cấu trúc theo các bước hay các hành động tu tu từ.
* Nhận biết những nét đặc trưng của văn bản và giúp thực hiện mục đích giao tiếp của chúng
* Identify the features that characterize texts and that help realize their communicative purposes
* Kiểm tra sự hiểu biết của những người viết và đọc thể loại này
* Khám phá cách thể loại liên quan đến hoạt động của người sử dụng nó
* Giải thích các lựa chọn ngôn ngữ trong bối cảnh xã hội, văn hóa và tâm lý
* Cung cấp thông tin chuyên sâu cho việc giảng dạy ngôn ngữ

2.3 Chương tổng quan nghiên cứu của luận án tiến sĩ

2.3.1 Chương tổng quan nghiên cứu là gì?

 Ridley (2000) định nghĩa rằng ‘tổng quan nghiên cứu ' là một phần của luận án trong đó “các tài liệu tham khảo mở rộng” có liên quan đến nghiên cứu và lý thuyết ảnh hưởng đến việc lựa chọn chủ đề nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu mà bạn đang chọn áp dụng (trang 3) . Nó cũng có thể được sử dụng để xác định các vấn đề nghiên cứu và/hoặc lỗ hổng trong nghiên cứu trước đó cần lấp đầy (Ridley, 2000, trang 3).

2.3.2 Các chức năng của một chương tổng quan nghiên cứu của luận án

 Có nhiều chức năng được xác định trong một chương tổng quan nghiên cứu của luận án đã được trình bày và thảo luận, bao gồm các chức năng chính sau:

- Xem xét nghiên cứu trước đó, cho đến ngày kiểm tra của họ;

- Mô tả và tổng hợp các công trình nghiên cứu chính có liên quan đến đề tài nghiên cứu;

- Làm rõ các thuật ngữ liên quan được sử dụng trong nghiên cứu;

- Xác định một lỗ hổng (hoặc một nhu cầu hoặc một vấn đề hoặc một thiếu sót) trong tài liệu.

- Đưa ra lý do giải thích tại sao việc lấp đầy khoảng trống lại quan trọng và có ý nghĩa;

- Để cung cấp thông tin về thiết kế và phương pháp của nghiên cứu được đề xuất.

 (Cresswell, 2003; Hart, 1998, 2001; Bitchener, 2010, Ridley, 2000, 2012, Kwan, 2006, Paltridge & Starfield, 2007)

2.3.3 Quy ước tiêu chuẩn của một chương tổng quan nghiên cứu

Viết một chương tổng quan nghiên cứu nên được áp dụng với tất cả các quy tắc viết học thuật với một cấu trúc tổ chức rõ ràng có phần mở đầu, thân bài, kết luận và chuyển tiếp ý giữa các phần (Kwan, 2006; Paltridge & Starfield, 2007; Swales & Freak, 2009; Bitchener, 2010; Ridley, 2012; Neuman, 2014).

Phần thân bài của chương tổng quan nghiên cứu bao gồm các chủ đề được tạo nên từ một loạt các hành động tu từ (Bitchener, 2010, trang 66); mỗi hành động tu từ được sử dụng để thực hiện một mục đích giao tiếp cụ thể nào đó thông qua nhiều chiến lược ngôn ngữ học (Swales, 1990; Kwan, 2006).

2.4 Đánh giá về mô hình Tạo không gian nghiên cứu (CARS)

2.4.1 Mô hình Tạo Không gian Nghiên cứu (CARS) ban đầu

Mô hình Tạo Không gian Nghiên cứu [C.A.R.S.] được John Swales phát triển lần đầu tiên vào năm 1981 dựa trên phân tích của ông về 40 phần giới thiệu được trích xuất từ ​​các bài báo nghiên cứu thuộc các ngành khoa học khác nhau. Mô hình '4 hành động tu từ' gợi ý rằng phần giới thiệu trong các bài báo nghiên cứu có thể được tổ chức theo cấu trúc 4 phần.

 Swales (1990) đã định dạng lại cấu trúc và tạo ra một sơ đồ ba bước, được gọi là mô hình Tạo Không gian Nghiên cứu (CARS). Theo Swales (1990), mô hình mới này chỉ ra cách thức các học giả hỗ trợ và thúc đẩy đóng góp của họ cho lĩnh vực nghiên cứu bằng cách trước tiên xác định lĩnh vực cần nghiên cứu và tóm tắt các nghiên cứu trước đó (Bước 1: Thiết lập lãnh địa nghiên cứu), sau đó xác định lỗ hổng trong các nghiên cứu đã có mà nghiên cứu hiện tạo của tác giả muốn giải quyết (Bước 2: Thiết lập một môi trường thuận lợi), và cuối cùng nêu rõ mục đích nghiên cứu của tác giả và tóm tắt cách họ sẽ lấp đầy khoảng trống này (Bước 3: Chiếm lĩnh môi trường thuận lợi).

2.4.2 Mô hình CARS sửa đổi của Bunton (2002)

Bunton (2002) áp dụng mô hình CARS này để kiểm tra cấu trúc thể loại của phần mở đầu của các luận án tiến sĩ được viết bởi cả người nói tiếng Anh bản ngữ và không bản ngữ tại một trường đại học ở Hồng Kông trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Kết quả cho thấy phần giới thiệu luận án tiến sĩ nhìn chung tuân theo cấu trúc ba bước, nhưng có chỉ ra một số bước mới, vì vậy Bunton (2002) đã tạo ra một mô hình sửa đổi cho phần giới thiệu luận án tiến sĩ.

2.4.3 Mô hình CARS sửa đổi của Kwan’s (2006)

Kwan (2006) áp dụng mô hình CARS đã sửa đổi của Bunton (2002) để xác định cấu trúc tu từ của các chương tổng quan nghiên cứu của 20 luận án tiến sĩ được viết bởi các sinh viên nói tiếng Anh bản ngữ trong lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng từ các trường đại học khác nhau ở Anh, Úc, Hồng Kông, và Singapore.

Chương tổng quan nghiên cứu của một luận án tiến sĩ là một văn bản phức tạp và rất dài, vì vậy Kwan (2006) đã chia mỗi chương LR thành các đơn vị chủ đề theo vị trí và nội dung của chúng. Kwan cũng quan sát thấy rằng nhiều đơn vị chủ đề được tạo nên từ một loạt các hành động tu từ bao gồm các chiến lược giống với các bước trong mô hình CARS sửa đổi của Bunton, mặc dù các chiến lược này không nhất thiết phải xuất hiện theo thứ tự tuần tự.

2.4.4 Định nghĩa hành động tu từ, bước, chiến lược và một đơn vị chủ đề

Hành động tu từ: là một đơn vị diễn ngôn hoặc tu từ thực hiện chức năng giao tiếp mạch lạc trong một diễn ngôn viết hoặc nói; nó là một đơn vị chức năng chứ không phải là một đơn vị hình thức; một hanh động tu từ có thể tuoeng đương với một đơn vị ngữ pháp chẳng hạn như một câu, phát ngôn hoặc đoạn văn, mặc dù nó nên được coi là linh hoạt về mặt thực hiện ngôn ngữ của nó, chẳng hạn như một mệnh đề hoặc thậm chí một số câu (Swales, 2004, pp. 228-229).

Bước: có thể được hiểu là một đoạn văn bản chứa một hình thức tu từ cụ thể cần thiết để thực hiện mục đích giao tiếp của một hành động tu từ; chúng chủ yếu được báo hiệu bởi các dấu hiệu ngôn ngữ và diễn ngôn trong văn bản hoặc được suy ra từ ngữ cảnh (Swales (1990). Lewin, Fine, and Young (2001) nhận ra rằng các bước có thể là bắt buộc-không bắt buộc, tùy thuộc vào tần suất xuất hiện của chúng.

Chiến lược: thay cho ‘bước’ để chỉ những yếu tố không xuất hiện thường xuyên hoặc không theo trình tự (Bhatia, 2004).

Đơn vị chủ đề: đại diện cho một chủ đề, mà thảo luận về một chủ đề nghiên cứu của người viết (Kwan, 2006).

2.5 Các nghiên cứu trước đây trong phần tổng quan nghiên cứu tài liệu của luận án tiến sĩ

2.5.1 Các nghiên cứu tập trung vào cấu trúc thể loại của luận án tiến sĩ

Nghiên cứu của Bunton (1998) là một trong những công trình tập trung sớm vào nghiên cứu các phần khác nhau của luận án tiến sĩ như phần tóm tắt, giới thiệu và kết luận.

Bunton (2002) sử dụng cấu trúc ba bước CARS đã sửa đổi của Swales (1990) cho phần giới thiệu tiến sĩ. Theo Bunton (2002), mô hình này rất quan trọng đối với cả giáo viên và học sinh. Mô hình này có thể hoạt động như một “khung tham chiếu sư phạm” để các nhà nghiên cứu có thể xây dựng kiến ​​thức họ đã có, một cách trực quan nếu không muốn nói là thể hiện rõ ràng, về cách thức nghiên cứu được trình bày trong các chuyên ngành của họ (trang 74-75)

Thompson (2001) cũng tiến hành nghiên cứu về cấu trúc vĩ mô và các đặc điểm ngôn ngữ của luận án tiến sĩ như việc sử dụng các trích dẫn và động từ khuyết thiếu. Mục đích của nghiên cứu là để có sự hiểu biết phong phú hơn về bản chất của các văn bản của luận án tiến sĩ, để hỗ trợ cải thiện chất lượng cho các nghiên cứu sinh tiến sĩ không phải người bản xứ đang chuẩn bị viết luận án.

2.5.2 Các nghiên cứu tập trung vào các văn bản chương tổng quan nghiên cứu

Mô hình CARS đã sửa đổi của Bunton (2002) cho phần giới thiệu luận án tiến sĩ đã được Kwan sử dụng vào năm 2006 để xác định cấu trúc tu từ của các chương tổng quan nghiên cứu của 20 luận án tiến sĩ được viết bởi các sinh viên bản ngữ tiếng Anh trong lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng từ các trường đại học khác nhau ở Vương quốc Anh, Úc, Hồng Kông và Singapore.

Một nghiên cứu đặc biệt khác được thực hiện cho cấu trúc của luận văn thạc sĩ hoàn chỉnh có thể kể đến nghiên cứu của Chen & Kuo (2012) cũng bao gồm khung cho các chương tổng quan nghiên cứu. Nghiên cứu này đã xác định một bước mới trong quá trình tạo ra nhu cầu nghiên cứu, đó là bước kết luận một phần tổng quan tài liệu và/hoặc thể hiện sự chuyển đổi sang đánh giá một ý khác. Về mặt sư phạm, nghiên cứu cung cấp một mô hình đầy đủ hơn về các hành động tu từ và các bước viết luận văn trong ngôn ngữ học ứng dụng.

2.5.3 Các nghiên cứu trước đây của các tác giả Việt Nam

Nguyen (2014) nghiên cứu về cấu trúc tu từ của các chương tổng quan nghiên cứu tài liệu của luận văn thạc sĩ TESOL do các sinh viên Việt Nam viết. Nghiên cứu này cho thấy rằng những sinh viên thạc sĩ Việt Nam biết cấu trúc tổng thể của các chương tổng quan nghiên cứu tài liệu nhưng không nhận thức đầy đủ về các chức năng tu từ của các bước. Trên thực tế, thay vì tổng hợp, tranh luận và chỉ ra mức độ liên quan của các tài liệu đã được đánh giá đối với lĩnh vực nghiên cứu của họ được thiết lập, họ chỉ đơn giản là báo cáo về các chủ đề nghiên cứu của các nghiên cứu trước đó, cho thấy họ chấp nhận những phát hiện trước đó và kết thúc với một bản tóm tắt (Nguyen và Pramoolsook, 2014).

Nguyen và Pramoolsook (2015) nghiên cứu xem các động từ tường thuật được sử dụng như thế nào trong các chương tổng quan nghiên cứu mà chứa nhiều trích dẫn nhất trong số các chương khác trong 24 luận văn thạc sĩ TESOL của các sinh viên Việt Nam. Nghiên cứu này cho thấy rằng việc sử dụng một số lượng động từ tường thuật hạn chế của các nhà văn Việt Nam và những lỗi của họ khi tường thuật các nghiên cứu trước đây có thể phản ánh sự thiếu hụt vốn từ vựng và mức độ thành thạo ngôn ngữ của họ như Hyland (2002) đã chỉ ra.

Nguyen và Pramoolsook (2016) đã công bố một phân tích ngôn ngữ khác của cùng một kho ngữ liệu nghiên cứu: các trích dẫn trong chương tổng quan nghiên cứu sử dụng khung phân tích của Thompson và Tribble (2001) để phân loại các loại các trích dẫn. Nghiên cứu cho thấy rằng những người viết chưa có kinh nghiệm không phải là người bản địa không thể hiểu đầy đủ việc sử dụng các trích dẫn chỉ bằng cách đọc hướng dẫn.

Nghiên cứu mới nhất áp dụng phân tích dựa trên thể loại được thực hiện bởi Nguyên (2019) trong luận án tiến sĩ của cô: Các báo cáo trường hợp lâm sàng tiếng Anh và tiếng Việt: Phân tích dựa vào thể loại. Nghiên cứu cho thấy thể loại của các báo cáo trường hợp lâm sàng tiếng Việt được tạo thành từ 12 hành động tu từ với 22 bước dài hơn so với tiếng Anh do lượng thông tin được trình bày trong các báo cáo. Ngoài ra, các cụm từ điển hình được sử dụng trong các báo cáo trường hợp lâm sàng tiếng Việt không đa dạng như trong các các báo cáo trường hợp lâm sàng tiếng Anh do việc sử dụng lặp đi lặp lại các cách diễn đạt giống nhau trong các báo cáo. Cuối cùng, nhiều động từ tường thuật hơn đã được sử dụng trong trong các báo cáo trường hợp lâm sàng tiếng Anh bởi vì người viết tiếng Việt có thể thiếu cách sử dụng hợp lý các động từ tường thuật, tính hiệu quả trong việc sử dụng các động từ hoặc sự sáng tạo trong diễn ngôn học thuật. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn chỉ ra một số hạn chế như trật tự của các hành động tu từ còn bị bỏ qua, và sẽ tốt hơn nếu luận án đi sâu vào việc xử lý động từ tường thuật, có tính đến chức năng liên nhân của ngôn ngữ.

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Thiết kế nghiên cứu theo phương pháp hỗn hợp

Nghiên cứu theo phương pháp hỗn hợp được mô tả là tập hợp cả dữ liệu định tính và định lượng để trả lời các câu hỏi nghiên cứu (Cresswell & Cresswell, 2018). Theo truyền thống, nghiên cứu định lượng đôi khi được miêu tả là thiếu sáng tạo trong khi nghiên cứu định tính thường bị chỉ trích là thiếu khái quát hóa, quá phụ thuộc vào cách diễn giải chủ quan của các nhà nghiên cứu và không có khả năng nhân rộng bởi các nhà nghiên cứu tiếp theo (Brewer & Hunter, 2006). Theo Cresswell & Cresswell (2018), lý do lựa chọn nghiên cứu theo phương pháp hỗn hợp vì “khai thác” được thế mạnh của cả nghiên cứu định tính và định lượng và “giảm thiểu” hạn chế của cả hai phương pháp (tr. 297).

3.2 Nghiên cứu hiện tại

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp với thiết kế tuần tự khám phá để khám phá và hiểu cấu trúc thể loại và các đặc điểm ngôn ngữ của chương tổng quan nghiên cứu của luận án tiến sĩ do người Việt viết bằng tiếng Anh vì dữ liệu được thu thập theo từng giai đoạn (tuần tự), cho phép đánh giá định tính. những phát hiện (thăm dò) từ giai đoạn đầu tiên để giúp phát triển một mô hình với sự trợ giúp của dữ liệu định lượng trong giai đoạn thứ hai để hỗ trợ giải thích những phát hiện định tính (Creswell, 2009; Morgan, 1998).

3.4 Thu thập dữ liệu

Các văn bản của chương tổng quan nghiên cứu của luận án tiến sĩ được phân tích trong nghiên cứu này được trích ra từ 30 luận án tiến sĩ thuộc các chuyên ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn như Ngôn ngữ học Anh, Ngôn ngữ học ứng dụng, Dịch thuật, Nghiên cứu xuyên văn hóa và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh do các nghiên cứu sinh Việt Nam viết tại một trường đại học ở Việt Nam trong vòng 12 năm.

3.5 Quy trình phân tích dữ liệu

Trong giai đoạn đầu tiên, 30 chương tổng quan nghiên cứu được lựa chọn và chia thành các đơn vị chủ đề để phân tích hành động tu từ. Các văn bản sau đó được mã hóa và phân loại dựa trên các mục đích giao tiếp và các đặc điểm tu từ được hướng dẫn bởi mô hình CARS sửa đổi của Kwan (2006) để xác định cấu trúc thể loại chung cho chương tổng quan nghiên cứu. Cuối cùng, một mô hình tu từ chung cho một đơn vị chủ đề trong chương tổng quan nghiên cứu đã được xây dựng. Phân tích này là để tìm câu trả lời cho câu hỏi nghiên cứu số 1.

Trong giai đoạn thứ hai, đầu tiên, các hành động tu từ và chiến lược tu từ được xác định trong giai đoạn đầu định lượng để xây dựng một mô hình đáng tin cậy hơn. Sau đó, những hành động tu từ này được sao chép vào các tệp riêng biệt. Sau khi tập hợp các hành động tu từ được tạo ra, tất cả các biểu đồ, bảng, sơ đồ, v.v. sẽ bị loại bỏ, sau đó chúng được chạy trong phần mềm WordSmith phiên bản 7.0 ( Scott, 2016), mà trong đó công cụ Concord sẽ định vị tất cả các tham chiếu đến bất kỳ từ hoặc cụm từ đã cho nào đó trong kho văn bản, hiển thị chúng trên các dòng từ tìm kiếm được căn giữa và một lượng ngữ cảnh có thể thay đổi ở hai bên.

CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN PHÂN TÍCH

HÀNH ĐỘNG TU TỪ

4.1 Phần giới thiệu và phần kết luận của 1 chương tổng quan nghiên cứu

Cấu tạo của chương tổng quan nghiên cứu này tuân theo các quy tắc của một bài viết tốt, được tạo thành từ một cấu trúc rõ ràng với phần mở đầu, kết luận và phần chuyển tiếp giữa các phần.

4.2 Các cấu trúc tu từ theo chủ đề trong phần thân bài của các chương tổng quan nghiên cứu

Kết quả cho thấy đã xác định được 132 đơn vị chủ đề trong các phần thân bài của 30 chương tổng quan nghiên cứu. Nghĩa là trung bình mỗi chương tổng quan nghiên cứu gồm 4,4 chủ đề. Người ta cũng nhận thấy rằng nhiều mô hình của các đơn vị chủ đề có ba hành động tu từ tương tự như trong mô hình CARS và đặc biệt là những mô hình được đề xuất bởi Kwan (2006) cho các văn bản của chương tổng quan nghiên cứu trong các luận án tiến sĩ. Không có hành động tu từ nào xuất hiện trong các đơn vị chủ đề 100% thời gian, cho thấy rằng không có hành động tu từ nào là bắt buộc.

Về phân bổ tần suất của hành động tu từ: Hành động tu từ 1 (354/695), Hành động tu từ 2 (276/695); Hành động tu từ 3 (65/695). Tỷ lệ Hành động tu từ 3 thấp là do nó có thể xuất hiện trong các phần khác nhau của văn bản của chương tổng quan nghiên cứu.

Mẫu phổ biến nhất là sự kết hợp giữa Hành động tu từ 1 và Hành động tu từ 2 được thể hiện trong công thức (1-2)n, trong đó 'n' chỉ số lần kết hợp lặp lại. Tiếp theo là cả 3 Hành động tu từ được kết hới với nhau không theo quy tắc gì, (1-2)n-1 và chỉ có 1 Hành động tu từ 1.

4.3 Cấu trúc hành động tu từ trong các đơn vị chủ đề của các chương tổng quan nghiên cứu

*4.3.1 Hành động tu từ 1: Thiết lập một phần lãnh địa nghiên cứu*

Chiến lược 1A (*khảo sát các hiện tượng khái quát về vấn đề nghiên cứu*) và Chiến lược 1C (*khảo sát các nghiên cứu có liên quan đã thực hiện*) là hai chiến lược phổ biến nhất của Hành động tu từ 1, chiếm 54,80% và 54,24%.

Việc sử dụng hạn chế Chiến lược 1B (*tuyên bố tầm quan trọng của lĩnh vực nghiên cứu*), chiếm 14,4%, có thể là do các tác giả người Việt không thể đưa ra tuyên bố cụ thể về các giá trị của chủ đề nghiên cứu đang được sử dụng hoặc đề cập trực tiếp đến tầm quan trọng hoặc mức độ liên quan của chủ đề đối với nghiên cứu của tác giả hoặc việc viết luận văn do nền tảng ngôn ngữ hoặc thiếu tài liệu liên quan đến chủ đề nghiên cứu.

4.3.2 Hành động tu từ 2: Tạo một môi trường nghiên cứu thuận lợi

Hai chiến lược mới được xác định: Chiến lược tóm tắt một phân đoạn, xuất hiện ở Hành động tu từ 2 nên đặt tên là Tóm tắt một phân đoạn 2F (*Concluding a part in a theme*) và chiến lược giới thiệu phân đoạn tiếp theo để thảo luận nên đặt tên là chuyển tiếp phân đoạn 2G (*Indicating transition to a new part in a theme*).

Chiến lược thường xuyên nhất là chiến lược Tuyên bố ngược 2A (*Counter-claiming*), chỉ xuất hiện trong 29,35% trong Hành động tu từ 2.

Chiến lược Tuyên bố ngược 2A (29.35%) và Tóm tắt một phân đoạn 2F (26.45%) là các thành phần chiếm ưu thế của Hành động tu từ 2 được tìm thấy trong khối ngữ liệu này.

Chiến lược thứ ba được sử dụng thường xuyên trong Hành động tu từ 2 của khối liệu nghiên cứu này Tổng hợp các kiến thức để tuyên bố khung phân tích 2E (*Synthesizing the theoretical framework/position*) (13,27%). Chiến lược này cũng được tìm thấy trong văn bản kết luận của một chủ đề, nơi người viết tóm tắt tài liệu đã thảo luận trước đó và tóm tắt nó để chỉ ra quan điểm lý thuyết.

Các chiến lược Đưa ra tuyên bố khẳng định 2C (*Making confirmative claims*), chỉ ra khoảng chống 2B (*gap-indicating*), và chuyển tiếp phân đoạn 2G (*Indicating transition to a new part in a theme*) chỉ chiếm từ 12-14 %, vì vậy có thể suy ra rằng các tác giả Việt Nam sử dụng nhiều chiến lược khác nhau để tạo ra một phân khúc nghiên cứu thích hợp cho nghiên cứu của họ. Tuy nhiên, việc không nhiều tác giả (chỉ khoảng 13%) đưa các chiến lược Đưa ra tuyên bố khẳng định và chỉ ra khoảng chống vào phần đánh giá tài liệu của họ có thể khiến người viết bị mất điểm cho luận án của họ nếu chúng ta sử dụng thang đánh giá của Boote và Beile (2005).

4.3.3 Hành động tu từ 3: Chiếm lĩnh môi trường thuận lợi

Hầu hết các Hành động tu từ 3 chỉ được tạo bới Chiến lược Giải thích các thuật ngữ sử dụng trong nghiên cứu 3D (*Announcing the adoption of terms or definitions of term*s) hoặc Chiến lược Trình bày mục đích nghiên cứu 3A (*Announcing aims of investigation*) hoặc kết hợp giữa 3A và 3D, cho thấy rằng chúng là các chiến lược chiếm ưu thế được tìm thấy trong khối liệu văn bản và chức năng chính của hành động tu từ này là chiếm lĩnh môi trường thuận lợi được tạo ra trong hành động tu từ 2.

Nếu một người tuyên bố thiếu nghiên cứu (2B) trong một lĩnh vực ở hành động tu từ 2 trước đó, thì chiến lược ở hành động tu từ 3 hợp lý nhất sẽ là Chiến lược Trình bày mục đích nghiên cứu 3A. Mặt khác, nếu một người đã đánh giá tích cực một phương pháp nghiên cứu (2C) trong Bước 2 trước đó, thì việc người viết sử dụng chiến lược Công bố khung phân tích hay khung lý thuyết 3C (Announcing the theoretical position or the theoretical framework) trong hành động tu từ 3 là điều đương nhiên.

4.4 Mô hình thể loại cho chương tổng quan nghiên cứu của luận án tiến sĩ của người Việt viết bằng tiếng Anh

Table 4. 11: A generic structure posited for a thesis LR written in English by Vietnamese learners

| **Chương tổng quan nghiên cứu (Literature Review Chapter)** | Frequency |
| --- | --- |
| **Phần dẫn nhập (LR introduction)** | 67.74% |
|  | CHỦ ĐỀ x n (THEME x n\*) |  |
|  | ***Phần dẫn nhập của chủ đề (Theme introducing text)*** | 33.33% |
| **Hành dộng tu từ 1** **(Move 1)** | **Thiết lập một phần lãnh địa nghiên cứu bằng cách: (Establishing one part of the territory of one’s own research by)** | **97.73%** |
| Chiến lược 1.1(Strategy 1.1) | Khảo sát các hiện tượng hoặc các tuyên bố khái quán vấn đề nghiên cứu surveying the non-research-related phenomena or knowledge claims  | 54.80% |
| Chiến lược 1.2(Strategy 1.2) | Khảo cứu các hiện tượng có liên quan đến nghiên cứu trước đây (surveying the research-related phenomena)  | 54.24% |
| Chiến lược 1.3 (Strategy 1.3) | Tuyên bố tầm quan trọng của lĩnh vực nghiên cứu (claiming centrality) | 15.25% |
| **Hành dộng tu từ 2 (Move 2)** | **Tạo một môi trường nghiên cứu thuận lợi bằng cách: (Creating a research niche(in response to Move 1) by:** | **78.79%** |
| Chiến lược 2.1Strategy 2.1 | Tuyên bố ngược (Counter-claiming ) | 29.35% |
| Chiến lược 2.2Strategy 2.2 | *Tóm tắt một phân đoạn* *(Concluding a part in a theme)* | 26.45% |
| Chiến lược 2.3Strategy 2.3 | Tổng hợp các kiến thức để tuyên bố khung phân tích (Synthesizing the theoretical framework/position) | 15.58% |
| Chiến lược 2.4Strategy 2.4 | Đưa ra tuyên bố khẳng định (Making confirmative claims) | 14.13% |
| Chiến lược 2.5Strategy 2.5 | Chỉ ra khoảng chống Gap-indicating ) | 13.04% |
| Chiến lược 2.6Strategy 2.6 | *Chuyển tiếp phân đoạn*(*Indicating transition to a new part in a theme)* | 12.68% |
| Chiến lược 2.7Strategy 2.7 | Tuyên bố mức dộ phù hợp (Relevancy-claiming) | 06.16% |
| **Hành dộng tu từ 3****(Move 3)** | **Chiếm lĩnh môi trường thuận lợi (để đáp ứng Hành động tu từ 2) bằng cách: (Occupying the research niche (in response to Move 2) by)** | **38.64%** |
| Chiến lược 3.1Strategy 3.1 | Giải thích các thuật ngữ sử dụng trong nghiên cứu (Announcing the adoption of terms or definitions of terms) | 38.46% |
| Chiến lược 3.2Strategy 3.2 | Trình bày mục đích nghiên cứu (Announcing aims of investigation) | 30.77% |
| Chiến lược 3.3Strategy 3.3 | Công bố khung phân tích hay khung lý thuyết (Announcing the theoretical position or the theoretical framework) | 23.08% |
| Chiến lược 3.4Strategy 3.4 | Công bố phương pháp nghiên cứu (Announcing the research methodology) | 12.31% |
|  | ***Phần kết luận của chủ đề (Theme concluding text)*** | ***32.57%*** |
|  | ***Phần chuyển tiếp của chủ đề (Theme transitional text)*** | ***15.15%*** |
| **Phần kết luận ( LR conclusion)** | **80.64%** |
| ***Phần chuyển tiếp (Chapter transition)*** | ***20.00%*** |
| \*: ‘n’ là số lần xuất hiện của các chủ đề (\*: ‘n’ stands for recurring for ‘n’ times of theme) |

Cấu trúc của hành động tu từ được đưa ra trên đây để mô tả cấu trúc thể loại của của các chương tổng quan nghiên cứu của các nghiên cứu sinh người Việt viết bằng Anh (xem Bảng 4.11) với các chiến lược mới được xác định bằng chữ in nghiêng. Các chiến lược trong các hành động tu từ tương ứng của chúng được đổi tên theo hệ thống đánh để tránh nhầm lẫn giữa các mô hình CARS sửa đổi khác nhau. Hệ thống đánh số có nghĩa là số đầu tiên cho biết số của hành động tu từ; nó được tách ra khỏi chữ số biểu thị thứ tự giảm dần mức độ của tần suất xuất hiện. Do đó, sự sắp xếp không ngụ ý bất kỳ cấu trúc tuần tự nào.

CHƯƠNG 5: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ

5.1 Các trích dẫn

Nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt về số lượng các loại trích dẫn được sử dụng trong mỗi chương tổng quan nghiên cứu trong khối ngữ liệu. Sự khác biệt đáng kể về số lượng trích dẫn giữa các văn bản có thể là do tính phức tạp của vấn đề nghiên cứu cũng như số lượng chủ đề trong mỗi chương. Số lượng trích dẫn của các tác giả Việt trong các văn bản chương tổng quan nghiên cứu thấp có thể cho thấy rằng họ người viết đã không cung cấp thông tin khảo cứu cho nghiên cứu của mình. Sự thiếu hụt nguồn tài liệu tham khảo này có thể là do thiếu nguồn tài liệu học tập trong các tổ chức giáo dục, khả năng hạn chế về trình độ tiếng Anh và năng lực của người viết, các giá trị nhận thức và văn hóa cũng như sự nhận thức và trách nhiệm của người viết trong cộng đồng học thuật.

5.2 Động từ tường thuật

Việc phân tích tất cả các động từ tường thuật trong khối ngữ liệu hiện tại cho thấy việc tường thuật thông tin như Hành động diễn ngôn được ưa thích, tiếp theo là hành vi Nghiên cứu và hành vi Nhận thức. Việc sử dụng chủ yếu các động từ Diễn ngôn xác nhận xu hướng tương tự của việc sử dụng RV trong nghiên cứu của Nguyen và Pramoolsook (2015) trong TESOL và trong nghiên cứu của Hyland (2002) trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, được coi là phù hợp trong một lược đồ lập luận liên quan đến sự giải thích rõ ràng, suy đoán và phức tạp như là "các khía cạnh được chấp nhận của tri thức" (tr. 126).

Việc phân tích tất cả các động từ tường thuật trong khối liệu hiện tại cho thấy tường thuật thông tin dưới dạng hành vi diễn ngôn là phổ biến nhất, tiếp theo là hành vi nghiên cứu và hành vi nhận thức. Việc sử dụng chủ yếu các động từ hành vi diễn ngôn được xác định là tương tự như trong nghiên cứu của Nguyen và Pramoolsook (2015) trong luận văn thạc sĩ TESOL và trong nghiên cứu của Hyland (2002) trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, được coi là phù hợp trong một lược đồ lập luận liên quan đến sự giải thích rõ ràng, suy đoán và phức tạp như là "các khía cạnh được chấp nhận của tri thức" (tr. 126).

Mười động từ tường thuật phổ biến nhất trong khối liệu *state, claim, suggest, define, conduct, argue, find out, propose, point out, và study*, chiếm 36,4% các trường hợp.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các tác giả người Việt ưa thích sử dụng động từ tường thuật chủ yếu ở thời: hiện tại đơn, quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành. Sự lựa chọn thường xuyên nhất cho động từ tường thuật là ở thời hiện tại, thể chủ động.

5.3 Động từ khuyết thiếu

Nghiên cứu này cũng nhằm mục đích phân tích các loại, tần suất và chức năng của các động từ khuyết thiếu được sử dụng trong các chương tổng quan nghiên cứu. Kết quả cho thấy các chương tổng quan nghiên cứu do các nghiên cứu sinh người Việt viết sử dụng nhiều động từ khuyết thiếu khác nhau để phục vụ các mục đích tu từ của mình. Động từ khuyết thiếu được sử dụng thường xuyên nhất là *can* với tần suất gần 50%. Theo sau là động từ khuyết thiếu *may* với tần suất 15,01%, *should* và *will* với tần suất lần lượt là 12,36% và 10,29%. Những động từ khuyết thiếu này được sử dụng khá thường xuyên để tăng hiệu quả của các chức năng tu từ khác nhau trong các phần khác nhau của các chương tổng quan nghiên cứu.

CHƯƠNG 6: KẾT LUẬN

6.1 Tóm tắt kết quả nghiên cứu

- Mô hình đề xuất cho cấu trúc của một tổng quan tài liệu luận án được trình bày trong Bảng 6.1. Các chiến lược trong mỗi hành dộng tu từ được đặt tên theo hệ thống đánh số để tránh nhầm lẫn với các mô hình CARS sửa đổi khác nhau. Hệ thống đánh số các chiến lược này được áp dụng để biểu thị thứ tự giảm dần của tần suất xuất hiện. Cần lưu ý rằng cấu tạo của các chủ đề có thể bao gồm một hành động tu từ/chiến lược hoặc/và những thứ khác, và không cần thiết phải bao gồm tất cả các hành động tu từ hoặc chiến lược trong một chủ đề.

Table 6. 1: Cấu trúc thể loại gợi ý của chương tổng quan nghiên cứu của nghiên cứu sinh người Việt viết bằng tiếng Anh

| **Chương tổng quan nghiên cứu (Literature Review Chapter)** |
| --- |
| **Phần dẫn nhập (LR introduction)** |
| **CHỦ ĐỀ x n\* (THEME x n\*)** |
|  | **Phần dẫn nhập của chủ đề (Theme introducing text)** |
| **Hành dộng tu từ 1** **(Move 1)** | **Thiết lập một phần lãnh địa nghiên cứu bằng cách: (Establishing one part of the territory of one’s own research by)** |
| Chiến lược 1.1(Strategy 1.1) | Khảo sát các hiện tượng hoặc các tuyên bố khái quán vấn đề nghiên cứu (Surveying the non-research-related phenomena or knowledge claims) |
| Chiến lược 1.2(Strategy 1.2) | Khảo cứu các hiện tượng có liên quan đến nghiên cứu trước đây (Surveying the research-related phenomena)  |
| Chiến lược 1.3 (Strategy 1.3) | Tuyên bố tầm quan trọng của lĩnh vực nghiên cứu (Claiming centrality) |
| **Hành dộng tu từ 2 (Move 2)** | **Tạo một môi trường nghiên cứu thuận lợi bằng cách: (Creating a research niche(in response to Move 1) by:** |
| Chiến lược 2.1Strategy 2.1 | Tuyên bố ngược (Counter-claiming ) |
| Chiến lược 2.2Strategy 2.2 | Tóm tắt một phân đoạn (Concluding a part in a theme) |
| Chiến lược 2.3Strategy 2.3 | Tổng hợp các kiến thức để tuyên bố khung phân tích (Synthesizing the theoretical framework/position) |
| Chiến lược 2.4Strategy 2.4 | Đưa ra tuyên bố khẳng định (Making confirmative claims) |
| Chiến lược 2.5Strategy 2.5 | Chỉ ra khoảng chống Gap-indicating ) |
| Chiến lược 2.6Strategy 2.6 | Chuyển tiếp phân đoạn(Indicating transition to a new part in a theme) |
| Chiến lược 2.7Strategy 2.7 | Tuyên bố mức dộ phù hợp (Relevancy-claiming) |
| **Hành dộng tu từ 3****(Move 3)** | **Chiếm lĩnh môi trường thuận lợi (để đáp ứng Hành động tu từ 2) bằng cách: (Occupying the research niche (in response to Move 2) by)** |
| Chiến lược 3.1Strategy 3.1 | Giải thích các thuật ngữ sử dụng trong nghiên cứu (Announcing the adoption of terms or definitions of terms) |
| Chiến lược 3.2Strategy 3.2 | Trình bày mục đích nghiên cứu (Announcing aims of investigation) |
| Chiến lược 3.3Strategy 3.3 | Công bố khung phân tích hay khung lý thuyết (Announcing the theoretical position/ framework) |
| Chiến lược 3.4Strategy 3.4 | Công bố phương pháp nghiên cứu (Announcing the research methodology) |
|  | **Phần kết luận của chủ đề (Theme concluding text)** |
|  | **Phần chuyển tiếp của chủ đề (Theme transitional text)** |
| **Phần kết luận ( LR conclusion)** |
| **Phần chuyển tiếp (Chapter transition)** |
| \*: ‘n’ là số lần xuất hiện của các chủ đề (\*: ‘n’ stands for recurring for ‘n’ times of theme) |

- Các trích dẫn (trích dẫn tác phẩm của người khác) và các động từ khuyết thiếu là nguồn ngôn ngữ nổi bật của các chương tổng quan nghiên cứu tài liệu. Các nhà nghiên cứu Việt thể hiện xu hướng tường thuật nguyên văn các từ ngữ của tác giả được trích dẫn và làm nổi bật tác giả thông qua các động từ tường thuật trực tiếp. Tuy nhiên, mật độ trích dẫn thấp trong khối liệu cho thấy rằng các nhà nghiên cứu Việt cần bổ sung thêm nhiều tài liệu tham khảo hơn cho các nghiên cứu của họ nhằm cung cấp đầy đủ thông tin khảo cứu để bối cảnh của nghiên cứu được sáng tỏ hơn.

- Nghiên cứu cũng cho thấy việc sử dụng hạn chế các loại động từ tường thuật, nhưng một số động từ tường thuật lại không thuộc danh sách động từ tường thuật thông thường do Hyland (2002) gợi ý. Có nghĩa là một số tác giả người Việt đã tự tạo ra ngôn từ của mình để thuật lại tác phẩm và tư tưởng của người khác. Những phát hiện này đòi hỏi các tác giả người Việt phải làm quen nhiều hơn với việc sử dụng các động từ tường thuật để đạt được mục đích giao tiếp của các chương tổng quan nghiên cứu.

- Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng *can* là động từ khuyết thiếu được sử dụng nhiều nhất nhất được sử dụng trong cả hành động tu từ. Sở dĩ tỷ lệ *can* trong văn bản của người Việt cao như vậy có thể là do trong tiếng Việt, các từ có nghĩa tương đương với *can* được sử dụng với tỷ lệ cao ở cả dạng viết và dạng nói. Bên cạnh đó, khi dịch sang tiếng Việt, các động từ như *can, could, may, might* với nghĩa tình thái đạo nghĩa và nhận thức và các động từ *will, would* với nghĩa tình thái nhận thức có cùng một từ tương đương là 'có thể' nên rất dễ gây nhầm lẫn cho các tác giả người Việt để phân biệt cụ thể nghĩa và cách sử dụng của 6 trợ từ này. Có vẻ như đông từ khuyết thiếu ‘*can*’ dễ sử dụng hơn đối với các tác giả Việt so với các động từ còn lại.

- Tỷ lệ thấp hơn của một số trợ động từ (*might, could, would*) trong các văn bản tiếng Việt có thể là kết quả của chiến lược tránh né được các tác giả Việt áp dụng vì một số các trợ động từ này không có từ tương đương rõ ràng và trực tiếp trong tiếng Việt. Người học ở Việt Nam nhìn chung biết rằng *might, could*, và *would* là dạng quá khứ của các động khuyết thiếu *may, can*, và *will*, và họ có thể bị nhầm lẫn bởi cùng một tình thái thể hiện những chức năng khác nhau hoặc cùng một chức năng được thể hiện bởi những động từ tình thái khác nhau.

- Thiết kế nghiên cứu hỗn hợp theo trình tự khám phá tích hợp cả thu thập và phân tích dữ liệu định tính và định lượng theo trình tự các giai đoạn và phương pháp phân tích kết hợp cung cấp hai cấp độ của cấu trúc diễn ngôn đã giúp hiểu chính xác hơn, chi tiết hơn và đầy đủ hơn về cách xây dựng một chương tổng quan nghiên cứu của luận án tiến sĩ của người Việt viết bằng tiếng Anh.

6.2 Ý nghĩa sư phạm

Ý nghĩa sư phạm quan trong của nghiên cứu này là việc giảng dạy và giới thiệu thể loại của chương tổng quan nghiên cứu cho các ứng viên tiến sĩ, các nhà nghiên cứu mới của Việt Nam và các học giả từ các ngành khác nhau. Cho rằng chương tổng quan nghiên cứu của các luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực khoa học xã hội tạo thành một thể loại mạch lạc, và sinh viên cũng như các nhà nghiên cứu mới vào nghề cần có những hiểu biết nhất định về thể loại này, điều quan trọng là phải xem xét cách thức tích hợp thông tin về thể loại vào việc giảng dạy. Do đó, các phương pháp phổ biến được sử dụng để giảng dạy thể loại này là giới thiệu cách tổ chức chương tổng quan nghiên cứu, sử dụng tài liệu giảng dạy thực tế và/hoặc thiết kế các khóa học viết chuyên biệt cho những người cần viết bằng tiếng Anh không phải là người bản xứ.

6.3 Hạn chế của nghiên cứu

- Công cụ thu thập dữ liệu hạn chế

- Có thể có xu hướng chủ quan trong phần nghiện cứu định tính, kinh nghiệm của nhà nghiên cứu với tư cách là nghiên cứu sinh có thể áp đặt một số ý kiến ​​cá nhân trong việc giải thích dữ liệu.

- Các chương tổng quan nghiên cứu trong luận án tiến sĩ rất phức tạp và không ổn định, kết quả của nghiên cứu này có thể không bao quát hết các khía cạnh liên quan đến quy trình phân tích thể loại của các văn bản học thuật đó.

6.4 Khuyến nghị nghiên cứu trong tương lai

- Mở rộng phạm vi nghiên cứu sang các chương khác trong luận án tiến sĩ như chương Mở đầu, Phương pháp luận, Kết quả nghiên cứu và thảo luận, hay chương Kết luận có thể giúp hiểu sâu hơn về phân tích thể loại của luận án tiến sĩ.

- Phỏng vấn trực tiếp các nghiên cứu sinh trực tiếp viết các luận án tiến sĩ và người hướng dẫn của họ để dữ liệu phỏng vấn có thể giúp hiểu sâu hơn về thực tiễn viết các chương tổng quan nghiên cứu trong luận án tiến sĩ cũng như làm phong phú thêm các phát hiện của nghiên cứu này.

- Có thể phân tích thêm các đặc điểm ngữ pháp, từ vựng trong văn bản của chương tổng quan nghiên cứu. Những nghiên cứu như vậy sẽ giúp mô tả các đặc điểm ngôn ngữ tổng thể của các văn bản học thuật và phức tạp như vậy.

- Tiếp tục nghiên cứu sử dụng các đặc trưng ngôn ngữ của các nhà văn Việt Nam ở các cấp độ học thuật khác nhau (bài báo, luận văn thạc sĩ, đại học).

- Nghiên cứu sâu hơn về thể loại ở các cấp học thuật khác nhau (bài báo, khóa luận, luận văn, luận án).

- Further research in using linguistic features among Vietnamese writers on different academic levels (articles, Master or Undergraduate theses).

- So sánh việc sử dụng thể loại giữa khối liệu tiếng Anh và khối liệu tiếng Việt.

- Compare the use of genre between the English corpus and the Vietnamese corpus.

- Phân tích các vấn đề về cấu trúc thể loại và sử dụng từ vựng-ngữ pháp của các tác giả người Việt trong các chương tổng quan nghiên cứu.

6.5 Các nhận xét kết luận

Nghiên cứu chứng minh rằng sự kết hợp giữa phân tích hành động tu từ và phân tích ngôn ngữ có thể nâng cao hiểu biết của chúng ta về cách thức cấu trúc một chương tổng quan nghiên cứu của luận án tiến sĩ cả ở cấp độ vĩ mô (cấu trúc thể loại) và cấp độ vi mô (đặc điểm ngôn ngữ).

Một điểm ưu việt khác của nghiên cứu này là phần mềm máy tính WordSmith Tools được sử dụng để hỗ trợ phân tích văn bản bằng cách định vị và định lượng các từ cần tìm kiếm trong thời gian ngắn với khối ngữ liệu mong muốn để đưa ra kết quả đáng tin cậy.

Nghiên cứu hiện tại cho thấy rằng mặc dù các hành động tu từ và các chiến lược trong cấu trúc thể loại được đề xuất ở trên nhìn có vẻ giống với mô hình CARS đã sửa đổi của Kwan, nhưng mô hình này cần được điều chỉnh để thêm vào một số hành động tu từ và chiến lược mới để đáp ứng nhu cầu yêu cầu về quy phạm của một chương tổng quan nghiên cứu thông thường và các tổ chức giáo dục.

Cuối cùng, chúng tôi hy vọng rằng nghiên cứu này có thể giúp nâng cao nhận thức của nghiên cứu sinh về thể loại của chương tổng quan nghiên cứu trong luận án tiến sĩ, tạo thuận lợi cho quá trình nghiên cứu của các nhà nghiên cứu mới có thể viết đúng cách, đóng góp vào tài liệu khảo cứu hiện tại có liên quan đến phân tích thể loại, và mang lại lợi ích cho các nhà nghiên cứu, người dạy và người học ngôn ngữ theo một số cách.

REFERENCES

Bawarshi, A. S. & Reiff, M. J. (2010). *Genre: An introduction to History, Theory, Research and Pedagogy*. West Lafayette, IN: Parlor Press.

Bhatia, V. K. (1997). Genre-mixing in academic introductions. In: *English for Specific Purposes* 16, 3, 181-195.

Bhatia, V. K. (2004). *Worlds of Written Discourse: A Genre-Based View*. London: Continuum International.

Bitchener, J. (2010). *Writing an Applied Linguistics Thesis or Dissertation: A Guide to Presenting Empirical Research.* New York: Palgrave Macmillan.

Brewer, J. D. and Hunter, A. (2006). *Foundations of Multi-method Research: Synthesizing styles*. Thousand Oaks, CA: Sage Publications.

Bunton, D. (2002). Generic moves in Ph.D. thesis introductions. In J. Flowerdew
(Ed.), *Academic Discourse* (pp. 57-75). London: Pearson Education Limited.

Bunton, D. R. (1998). *Linguistic and Textual Problems in PhD and M. Phil Theses: An Analysis of Genre Moves and Metatext*. (Thesis). University of Hong Kong, Pokfulam, Hong Kong SAR. Retrieved from <http://dx.doi.org/10.5353/th_b3123814>

Chen, T.-Y., & Kuo, C.-H. (2012). A genre-based analysis of the information
structure of master's theses in applied linguistics. *The Asian ESP Journal, 8*(1), 24-52.

Creswell, J. W. & Creswell, J. D. (2018). *Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches.* 5th Edition. Thousand Oaks, CA: Sage.

Creswell, J. W. (2003). *Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches* (2nd ed.). Thousand Oaks, CA: Sage.

Creswell, J. W. (2009) *Reseach Design. Qualitative, Auantitative, and Mixed Methods Approach*. 3rd Edition. Thousand Oaks, CA: SAGE Publications

Hyland, K. (2002). Activity and evaluation: Reporting practices in academic writing. In J. Flowerdew (Ed.), *Academic Discourse* (pp. 115-130). Harlow, England: Longman.

Hyland, K. (2003). Genre-based pedagogies: A social response to process. *Journal of Second Language Writing* 12 17-29.

Hyland, K. (2004). *Genre and Second Language Writing.* Ann Arbor: University of Michigan Press.

Hyon, S. (1996). Genre in three traditions: Implications for ESL. TESOL Quarterly 30 (4): 693–722.

Kwan, B.S.C. (2006). The schematic structure of literature reviews in doctoral theses of applied linguistics. *English for Specific Purposes, 25*, 30–55.

Lewin, B. A., Fine, J., & Young, L. (2001). *Expository Discourse: A Genre-based Approach to Social Science Research Texts*. New York: Continuum.

Morgan, D. (1998). Practical strategies for combining qualitative and quantitative methods: Application to health research. *Qualitative Health Research*, 8(3). 362-367.

Neuman, W. L. (2014). *Social Research Methods: Qualitative and Quantitative Approaches*. (7th, Ed.) Pearson.

Nguyen, T. T. L. and Pramoolsook, I. (2014). A move-based structure of the master’s thesis literature review chapters by Vietnamese TESOL postgraduates. *An International Peer-reviewed Open Access Journal.* Vol. 1 Issue – 2, 281-301.

Nguyen, T. T. L. and Pramoolsook, I. (2015). Reporting verbs in literature review chapters of TESOL Master theses written by Vietnamese postgraduates. *ESP today*. Vol.3, Issue 2, 196-215.

Nguyen, T. T. L., &Pramoolsook, I. (2016). Citations in Literature Review Chapters of TESOL Master’s Theses by Vietnamese Postgraduates. *GEMA Online Journal of Language Studies*. 16(2): 17-32.

Nguyen, T. T. M. (2019). Medical case reports in English and Vietnamese: A genre-based analysis. Published Ph.D. thesis University of Languages and International Studies, Vietnam National University.

Paltridge, B. & Starfield, S. (2007). *Thesis and Dissertation Writing in a Second Language: A Handbook for Supervisors*. London and New York: Routledge.

Ridley, D. (2000). The different guise of a Ph.D. these and the role of the literature review. In P. Thompson (Ed.), *Patterns and perspectives: Insights into EAP Writing Practice*. Reading, UK: University of Reading: CALS. 61-75.

Scott, M. (2016). *Wordsmith Tools Manual version 7.0.* Oxford: OUP.

Swales, J. M. & Freak, C. B. (2009). *Telling a Research Story Writing a Literature Review* . Michigan: University of Michigan.

Swales, J. M. (1981). *Aspects of Article Introductions* (Aston ESP Research Report 1). Birmingham, England: University of Aston in Birmingham, Language Studies Unit.

Swales, J. M. (1990). Genre Analysis: English in Academic and Research Settings. Cambridge: Cambridge University Press.

Swales, J. M. (2004). *Research Genre: Explorations and Applications*. New York: Cambridge University Press.

Thompson, P. (2001). *A Pedagogically-motivated Corpus-based Examination of Ph.D. Theses: Macrostructure, Citation Practices and Uses of Modal Verbs*. Unpublished Ph.D. thesis, University of Reading.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ**

**LIÊN QUAN ĐẾN LUẠN ÁN**